

Số: *119* /BC-SVHTTDL

Nam Định, ngày *2* /tháng 02 năm 2019

## **BÁO CÁO**

### **Tóm tắt tình hình thực hiện công tác CCHC năm 2018, tình hình triển khai Kế hoạch CCHC năm 2019 của Sở VHTTDL**

Thực hiện Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 11/01/2019 của UBND tỉnh Nam Định về việc ban hành bộ chỉ số cải cách hành chính của các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Nam Định; Kế hoạch số 1364/KH -SNV ngày 28/12/2018 của Sở Nội vụ về việc kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2019; Hướng dẫn số 135/HD-SNV ngày 29/01/2019 của Sở Nội vụ về việc tự đánh giá, chấm điểm xác định Chỉ số cải cách hành chính của các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trên địa bàn Nam Định.

Sở VHTTDL xây dựng báo cáo tóm tắt tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2018, tình hình triển khai Kế hoạch cải cách hành chính năm 2019 như sau:

*(Có bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá, chấm điểm chỉ số cải cách hành chính năm 2018 kèm theo).*

#### **I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC NĂM 2018**

##### **1. Công tác chỉ đạo, điều hành công tác cải cách hành chính tại Sở**

Năm 2018, Lãnh đạo Sở tiếp tục chỉ đạo triển khai, quán triệt các văn bản của Trung ương, tỉnh và Sở về công tác cải cách hành chính trong Hội nghị giao ban hàng tháng, Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; yêu cầu các phòng, đơn vị trực thuộc Sở thực hiện công tác cải cách hành chính gắn với nhiệm vụ chuyên môn của phòng, đơn vị. Đây được xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong thực hiện nhiệm vụ hàng năm, việc tổ chức thực hiện tốt công tác cải cách hành chính của các đơn vị được Sở VHTTDL đưa vào là một trong những tiêu chí để đánh giá xếp loại thi đua cuối năm.

##### **2. Tình hình xây dựng, ban hành, triển khai và tổ chức thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính năm 2018 của Sở**

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã xây dựng Kế hoạch số 892/KH-SVHTTDL ngày 01/12/2017 về thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2018 và phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính trong thẩm quyền giải quyết của Sở VHTTDL; thống kê các thủ tục hành chính, bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung phù hợp với các quy định của pháp luật. Triển khai các phương án đơn giản hóa thủ tục



hành chính thông qua việc rút ngắn thời gian thẩm định hồ sơ và ứng dụng công nghệ thông tin vào giải quyết công việc.

Thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính năm 2018, Sở đã tập trung vào các nội dung chính như: rà soát, tham mưu UBND tỉnh ban hành các văn bản thuộc lĩnh vực Văn hoá, Thể thao và Du lịch; nâng cao hiệu quả xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2008 và công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 trong các cơ quan hành chính theo quy định của tỉnh; Đẩy mạnh ứng dụng Công nghệ thông tin trong quản lý và điều hành.

Công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt nhiệm vụ, kế hoạch cải cách hành chính được quan tâm thực hiện thông qua các hội nghị, cuộc họp giao ban của Sở đã cập nhật kịp thời các văn bản chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ, của Bộ và của tỉnh phổ biến tới toàn thể cán bộ công chức, viên chức: Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 và Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 13/6/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 30c ngày 08/11/2011 về ban hành chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020; Quyết định số 93/2007/QĐ-TTg ngày 22/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại các cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương...

Công tác Thanh tra, kiểm tra trong đó có các cuộc thanh tra hành chính đã được tiến hành thường xuyên. Trong năm 2018, đã tiến hành kiểm tra cải cách hành chính đối với 04 đơn vị được lồng ghép với việc thanh tra hành chính tại đơn vị (Nhà hát Chèo, Thư viện tỉnh, Trung tâm Xúc tiến Du lịch, Ban Quản lý Di tích và Danh thắng).

Trong năm 2018: 100% các nhiệm vụ trong Kế hoạch đã được triển khai thực hiện đảm bảo đúng yêu cầu.

### **3. Tình hình triển khai và kiểm tra việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật do Trung ương và tỉnh ban hành**

#### **a) Về xây dựng và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật**

Bên cạnh hoàn thiện các quy định nội bộ của cơ quan và triển khai hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính theo hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch đã tích cực tham gia góp ý kiến các văn bản liên quan đến thủ tục hành chính trong các lĩnh vực văn hoá...

Chỉ đạo Phòng Tổ chức - Pháp chế chủ trì phối hợp với các phòng Quản lý nhà nước thường xuyên rà soát các văn bản Quy phạm pháp luật có liên quan đến lĩnh vực của ngành, kịp thời cập nhật, triển khai những văn bản mới, loại bỏ những văn bản hết hiệu lực thi hành.



Trong năm 2018, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã trình các cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật đó là Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, Câu Lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Nam Định.

b) Về tổ chức thực hiện văn bản Quy phạm pháp luật

Ngay sau khi các văn bản Quy phạm pháp luật của Trung ương, của tỉnh có hiệu lực thi hành, Sở VH TTDL đã chỉ đạo các phòng Quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo kịp thời, hiệu quả. Trong năm, Sở đã tổ chức triển khai nhiều văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương, của tỉnh có liên quan đến các lĩnh vực Văn hóa, Thể thao, Du lịch và Gia đình<sup>1</sup>.

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã trình các cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật đó là Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, Câu Lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Nam Định; tổ chức tập huấn, triển khai thực hiện. Chỉ đạo Phòng Tổ chức - Pháp chế chủ trì phối hợp với các phòng Quản lý nhà nước thường xuyên rà soát các văn bản Quy phạm pháp luật có liên quan đến lĩnh vực của ngành, kịp thời cập nhật, triển khai những văn bản mới, loại bỏ những văn bản hết hiệu lực thi hành.

Ngay sau khi các văn bản Quy phạm pháp luật của Trung ương, của tỉnh có hiệu lực thi hành, Sở VH TTDL đã chỉ đạo các phòng Quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo kịp thời, hiệu quả. Trong năm, Sở đã tổ chức triển khai nhiều văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương, của tỉnh có liên quan đến các lĩnh vực Văn hóa, Thể thao, Du lịch và Gia đình: tổ chức tập huấn việc triển khai thực hiện Quyết định số 22/2018/QĐ-TTg ngày 08/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước; Nghị định số 122/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu Gia đình văn hóa, Thôn văn hóa, Làng văn hóa, Tổ dân phố văn hóa...;

#### **4. Thực hiện việc rà soát, công khai thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết**

---

<sup>1</sup> Kế hoạch số 902/KH-SVHTTDL ngày 04/12/2017 về hoạt động kiểm soát, rà soát đánh giá TTHC năm 2018 của Sở VH TTDL;

- Kế hoạch số 903/KH-SVHTTDL ngày 04/12/2017 về việc ban hành kế hoạch kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật năm 2018 của Sở VH TTDL;

- Kế hoạch số 115/KH-SVHTTDL ngày 05/02/2018 về việc phổ biến, giáo dục và theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2018 của Sở VH TTDL;



a) Về rà soát, kiểm soát đánh giá thực hiện các quy định về TTHC

Công tác cải cách thủ tục hành chính của Sở được tổ chức thực hiện có hiệu quả, bộ phận chuyên môn trực tiếp làm công tác cải cách hành chính đã rà soát thống kê toàn bộ các thủ tục hành chính như: mẫu đơn, mẫu tờ khai, yêu cầu điều kiện thực hiện... công bố, cập nhật, bổ sung thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền cấp phép của Sở VHTTDL trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố ban hành đúng quy trình.

Văn phòng Sở phối hợp với các phòng quản lý nhà nước thường xuyên kiểm soát chặt chẽ việc ban hành mới các thủ tục hành chính đảm bảo đầy đủ, kịp thời. Sở đã chỉ đạo việc rà soát, bổ sung những thủ tục hành chính mới theo chỉ đạo của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, bãi bỏ những bộ thủ tục không còn hiệu lực; đồng thời, chỉ đạo các phòng chức năng rà soát các thủ tục hành chính và thực hiện cắt giảm các bước tối thiểu hóa theo quy định; ngoài các thủ tục hành chính do cơ quan có thẩm quyền ban hành để giảm bớt phiền hà các thủ tục hành chính cho nhân dân thì Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch không thực hiện việc ban hành thêm các thủ tục hành chính<sup>2</sup>.

b) Về công khai thủ tục hành chính

Hiện nay, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đang thực hiện 126 thủ tục trong đó có 109 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở VHTTDL, 17 TTHC cấp tỉnh do Ủy ban nhân dân tỉnh công bố được công khai trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, của Sở và trang Dịch vụ công trực tuyến tỉnh Nam Định. Các thủ tục, biểu mẫu hành chính được niêm yết rõ ràng, đầy đủ, chính xác, công khai giúp cho tổ chức và cá nhân dễ dàng thực hiện khi có yêu cầu.

Các thủ tục hành chính của Sở VHTTDL được thực hiện nghiêm túc đúng quy định của Trung ương, của tỉnh về nội dung, hồ sơ, thời gian thực hiện đều được cắt giảm tối thiểu so với quy định và được niêm yết công khai tại bộ phận một cửa và Cổng thông tin điện tử của Sở, trang dịch vụ công trực tuyến tỉnh Nam Định nên thuận tiện cho người dân, tổ chức đến liên hệ làm việc. Chỉ đạo đơn vị trực tiếp thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân, cán bộ làm đầu mối trực tiếp tiếp nhận và giải quyết các thủ tục hành chính tiếp nhận đầy đủ các phản ánh,

---

2. Quyết định số 1591/QĐ-UBND ngày 31/7/2018 về việc Ban hành thủ tục hành chính ban hành mới, sửa đổi thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở VHTTDL đối với lĩnh vực Thể dục thể thao;

- Quyết định số 1751/QĐ-UBND ngày 17/8/2018 về việc công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở VHTTDL đối với lĩnh vực văn hóa;

- Quyết định số 992/QĐ-UBND ngày 14/5/2018 về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới, sửa đổi, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở VHTTDL đối với lĩnh vực du lịch;

- Quyết định số 2268/QĐ-UBND ngày 17/10/2018 về việc công bố danh mục thủ tục hành chính ban hành mới, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở VHTTDL (Lĩnh vực lễ hội), UBND cấp huyện, UBND cấp xã;

- Quyết định số 2665/QĐ-UBND ngày 27/11/2018 của UBND tỉnh về việc công bố danh mục TTHC ban hành mới, sửa đổi, bãi bỏ, thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở VHTTDL, UBND cấp huyện, UBND cấp xã.

- Quyết định số 2820/QĐ-UBND ngày 12/12/2018 của UBND tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở VHTTDL, UBND cấp huyện (lĩnh vực văn hóa).



kiến nghị của người dân, tổ chức đối với thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết. 100% các giấy phép được cấp đúng hạn, không để tồn đọng, quá thời gian quy định<sup>3</sup>.

Trong năm 2018, đã triển khai hệ thống tiếp nhận và trả lời kiến nghị của doanh nghiệp: <http://logindoanhnghiep.chinhphu.vn> với tên miền: [tnd\\_svhttvdl](http://tnd_svhttvdl). Hiện nay không có phản ánh của các tổ chức, cá nhân về thực hiện thủ tục hành chính sai quy định hoặc có hiện tượng tiêu cực, gây khó khăn, phiền hà trong việc hướng dẫn làm các thủ tục của các đơn vị.

**5. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý văn bản, sử dụng hộp thư điện tử trong thực thi công vụ, cập nhật, cung cấp thông tin trên Trang thông tin điện tử trên phần mềm một cửa điện tử; sử dụng các phần mềm khác trong quản lý, điều hành và trong giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết**

Năm 2018, Sở VHTTDL đã đẩy mạnh thực hiện việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý. Các phòng chuyên môn, đơn vị đều được trang bị máy vi tính, 100% có kết nối internet; trang thông tin điện tử của ngành và việc sử dụng mạng nội bộ được xây dựng và hoạt động có hiệu quả; triển khai cài đặt, sử dụng có hiệu quả phần mềm Voffice nhằm tiết kiệm tối đa về chi phí văn phòng phẩm và phục vụ thuận tiện cho công tác quản lý và điều hành. Trên 90% số cán bộ công chức sử dụng thư điện tử trong trao đổi công việc.

Thực hiện các qui định về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 tháng 7/2017 Sở đã nâng cấp Trang Thông tin điện tử của Sở thành Cổng thông tin điện tử Sở VHTTDL với các giao diện, nội dung phong phú đáp ứng nhu cầu tra cứu và tìm hiểu của các tổ chức, cá nhân; đã phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức tập huấn, triển khai phần mềm một cửa và kết nối đồng bộ trên hệ thống cung cấp Dịch Vụ công trực tuyến: <http://dichvucong.namdinh.gov.vn>. Từng bước hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân đến giao dịch và thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 3, mức độ 4 ở một số lĩnh vực chuyên ngành<sup>4</sup>.

**6. Tình hình duy trì, áp dụng HTQLCL theo TCVN ISO 9001:2008; cải tiến, nâng cấp HTQLCL: Số lượng quy trình, độ bảo phủ % thủ tục hành chính và tình hình chuyển đổi sang phiên bản 2015**

<sup>3</sup> Quyết định số 2068/QĐ-UBND ngày 24/9/2018 về việc thông qua phương án đơn giản hóa TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh Nam Định (06 lĩnh vực TTHC);

<sup>4</sup> Công văn số 540/SVHTTDL-VP ngày 18/7/2018 về việc thực hiện dịch vụ công trực tuyến trên phần mềm dịch vụ hành chính công từ 01/8/2018 trên địa bàn tỉnh Nam Định; Sở VHTTDL đã triển khai phần mềm dịch vụ hành chính công với 115 TTHC trong đó lĩnh vực thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở VHTTDL là 97 TTHC, TTHC trực tuyến cấp độ 3, 4 là 12 TTHC đến nay đã tiếp nhận 157 hồ sơ trực tuyến (trong đó: 19 hồ sơ thực hiện mức độ 4 được tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích của Sở VHTTDL theo Quyết định 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ.



Tiếp tục cải tiến, duy trì, áp dụng các quy trình thực hiện hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 trong hoạt động của cơ quan. Sở VH TTDL đã tập trung rà soát và xây dựng, cải tiến bộ quy trình tác nghiệp của đơn vị để nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước và góp phần hiện đại hóa nền hành chính nhà nước của đơn vị. Cuối năm 2018 đã triển khai xây dựng và áp dụng TCVN ISO 9001: 2015 thay thế TCVN 9001:2015, cụ thể:

- + Ban hành Kế hoạch số 882/KH-SVHTTDL ngày 30/11/2018 về việc nâng cấp phiên bản ISO 9001:2015;

- + Quyết định số 428/QĐ-SVHTTDL ngày 24/12/2018 về việc ban hành, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015 (Có danh mục HTQLCL ISO 9001:2015);

- + Quyết định số 445/QĐ-SVHTTDL ngày 28/12/2018 về việc ban hành công bố Hệ thống Quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 (Có danh mục HTQLCL ISO 9001:2015);

Đến nay, Sở đã xây dựng, ban hành được 46 quy trình trong đó có 6 quy trình hệ thống, 40 quy trình tác nghiệp, bao phủ được 126 TTHC, đạt 100%.

## **7. Tình hình thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông**

Thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính. Sở đã ban hành Quyết định số 407/QĐ-SVHTTDL ngày 03/12/2018 Quyết định ban hành quy chế hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Quyết định số 408/QĐ-SVHTTDL ngày 03/12/2018 về việc phân công công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Chỉ đạo công chức phụ trách tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Bộ phận một cửa của Sở thực hiện nghiêm túc và giải quyết kịp thời các TTHC có liên quan đến hoạt động kinh doanh trên lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và gia đình như: mẫu đơn, tờ khai, cấp phép hoạt động văn hóa, kinh doanh dịch vụ văn hóa trên địa bàn tỉnh... đảm bảo đúng quy trình, thủ tục, nhằm hạn chế đến mức thấp nhất không để một trường hợp đến làm thủ tục hành chính phải chờ đợi lâu. 100% các thông báo, giấy phép được cấp trước và đúng hạn, không có phát sinh hồ sơ quá hạn. Tinh thần, thái độ của cán bộ thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Bộ phận một cửa luôn giữ thái độ hòa nhã, lịch sự, lễ phép, lắng nghe và tiếp thu ý kiến của công dân, không gây phiền hà, sách nhiễu.

Các thủ tục, hồ sơ được công khai đầy đủ, tạo dễ dàng trong giải quyết công việc, hạn chế việc phải trao đổi nhiều lần đối với một tổ chức, công dân có thủ tục hành chính đến liên hệ giao dịch. Năm 2018, Sở đã tiếp nhận và giải



quyết 317 trong đó: có 245 hồ sơ đăng ký quảng cáo; 32 văn bản thông báo tổ chức biểu diễn nghệ thuật; 09 giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật đơn vị cơ sở; tiếp nhận, xét duyệt và cấp mới, cấp đổi, cấp lại 21 thẻ hướng dẫn viên du lịch (14 thẻ hướng dẫn viên nội địa, 07 thẻ hướng dẫn viên quốc tế); 01 Giấy phép kinh doanh dịch vụ Lữ hành nội địa; thẩm định và cấp phép mới 02 cơ sở lưu trú du lịch: hạng 1 sao, 2 sao, 3 sao đối với khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch; 07 Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể dục thể thao.

**- Bố trí lãnh đạo phụ trách, quyết định cử công chức và thực hiện việc hỗ trợ kinh phí cho công chức thực hiện nhiệm vụ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông.**

Thực hiện tại Quyết định số 408/QĐ-SVHTTDL ngày 03/12/2018 về việc phân công công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

**- Việc ban hành Quy chế và quyết định các Thủ tục hành chính thực hiện theo cơ chế một cửa theo Kế hoạch số 99/KH-UBND ngày 26/10/2018 của UBND tỉnh**

Được triển khai và thực hiện tại Quyết định số 407/QĐ-SVHTTDL ngày 03/12/2018 Quyết định ban hành quy chế hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Sở VHTTDL;

**- Tình hình công khai minh bạch các TTHC còn hiệu lực thi hành thuộc thẩm quyền giải quyết, việc công khai đường dây nóng số điện thoại, Email của các cấp theo quy định và việc công khai phí, lệ phí.**

Các thủ tục hành chính của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch được thực hiện nghiêm túc đúng quy định của Trung ương, của tỉnh về nội dung, hồ sơ, thời gian giải quyết thực hiện đều được cắt giảm tối thiểu so với quy định, công khai phí, lệ phí của từng thủ tục hành chính và được niêm yết công khai, tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả; trên trang thông tin điện tử của ngành. Niêm yết công khai đường dây nóng số điện thoại, Email tại bộ phận một cửa và Cổng thông tin điện tử của Sở, trang dịch vụ công trực tuyến tỉnh Nam Định nên thuận tiện cho người dân, tổ chức đến liên hệ làm việc. Chỉ đạo đơn vị trực tiếp thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân, cán bộ làm đầu mối trực tiếp tiếp nhận và giải quyết các thủ tục hành chính tiếp nhận đầy đủ các phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức đối với thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết. 100% các giấy phép được cấp đúng hạn, không để tồn đọng, quá thời gian quy định.

Trong năm 2018, đã triển khai hệ thống tiếp nhận và trả lời kiến nghị của doanh nghiệp: <http://logindoanhnghiep.chinhphu.vn> với tên miền: [tnd\\_svhttdl.vn](http://tnd_svhttdl.vn). Hiện nay không có phản ánh của các tổ chức, cá nhân về thực hiện thủ tục hành



chính sai quy định hoặc có hiện tượng tiêu cực, gây khó khăn, phiền hà trong việc hướng dẫn làm các thủ tục của các đơn vị.

**- Số lĩnh vực và số lượng TTHC của từng lĩnh vực được giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông và chưa được giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông, lý do chưa được giải quyết.**

Trong năm 2018 Sở VH TTDL đã tiếp nhận 28 hồ sơ (trong đó, có 26 hồ sơ liên thông thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ VH TTDL và 02 hồ sơ thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh Nam Định), cụ thể:

1. Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”: 02 hồ sơ.
2. Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú”: 05 hồ sơ.
3. Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”: 01 hồ sơ.
4. Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú”: 18 hồ sơ.
5. Thủ tục công nhận khu du lịch, điểm du lịch: 02 hồ sơ.

Tất cả các hồ sơ tiếp nhận được thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông, tại Sở VH TTDL và thẩm định trình hội đồng cấp tỉnh và Bộ đúng thời gian quy định.

**- Cơ sở vật chất: Nơi đón tiếp diện tích m2, số máy vi tính, bàn ghế làm việc, ghế ngồi của tổ chức, công dân sổ sách theo dõi**

Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở được trang bị đầy đủ máy vi tính, máy in, điện thoại cố định, máy fax, bàn ghế làm việc, bàn ghế đón tiếp khách, nước uống, quạt máy, máy điều hoà nhiệt độ tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân đến liên hệ, làm việc, diện tích đảm bảo theo đúng quy định.

**- Thời gian giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả và tình hình thực hiện giải quyết TTHC vào sáng thứ 7 theo Quyết định số 14/2010/QĐ-TTg ngày 12/02/2010 của Thủ tướng Chính phủ**

Thực hiện Quyết định số 14/2010/QĐ-TTg ngày 12/02/2010 của Thủ tướng Chính phủ, Sở VH TTDL đã thực hiện phân công lãnh đạo và cán bộ, công chức trực giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở vào sáng thứ 7 hàng tuần. Tuy nhiên trong năm 2018 Sở VH TTDL thực hiện chủ yếu hồ sơ trực tuyến trên trang dịch vụ công trực tuyến, không phát sinh hồ sơ nào.

## **8. Công tác thông tin, tuyên truyền**

Công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt nhiệm vụ, kế hoạch cải cách hành chính được quan tâm thực hiện thông qua các hội nghị, cuộc họp giao ban của Sở đã cập nhật kịp thời các văn bản chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ, của Bộ và của tỉnh phổ biến tới toàn thể cán bộ công chức, viên chức: Nghị quyết 30c/NQ-CP của Chính phủ, Nghị quyết số 36a/NQ-CP, Quyết định số 225/QĐ-TTg ngày 04/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ, các Kế hoạch cải cách



hạnh chính nhà nước tỉnh, các Chỉ thị, kế hoạch, quyết định về thực hiện các lĩnh vực thủ tục hành chính, thực hiện cơ chế một cửa, thông tin tuyên truyền và kế hoạch CCHC của cơ quan, đơn vị; Nghị quyết số 18-NQ/TW, 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 BCH TW đảng khóa VII...;

Trong năm 2018, Sở VHTTDL đã giao Tạp chí VHTTDL Nam Định; Website: [dulichnamdinh.com.vn](http://dulichnamdinh.com.vn), Cổng thông tin điện tử của Sở mở chuyên mục, viết tin bài phản ánh về kế hoạch CCHC của tỉnh. Ngoài ra, công tác tuyên truyền cải cách hành chính được lồng ghép trong kế hoạch công tác năm của Sở nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ công chức, viên chức về ý nghĩa và tầm quan trọng trong việc thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính.

Nhìn chung, công tác tuyên truyền đã đáp ứng kịp thời việc nắm bắt, tìm hiểu thông tin của cán bộ, công chức, viên chức và mọi tầng lớp nhân dân, doanh nghiệp về công tác cải cách hành chính, nhất là thủ tục hành chính.

#### **9. Thành lập các đoàn kiểm tra công tác cải cách hành chính tại các đơn vị trực thuộc và báo cáo kết quả kiểm tra tại các đơn vị trực thuộc**

Công tác Thanh tra, kiểm tra trong đó có các cuộc thanh tra hành chính đã được tiến hành thường xuyên. Trong năm 2018, đã tiến hành kiểm tra cải cách hành chính đối với 04 đơn vị được lồng ghép với việc thanh tra hành chính tại đơn vị (Nhà hát Chèo, Thư viện tỉnh, Trung tâm Xúc tiến Du lịch, Ban Quản lý Di tích và Danh thắng). Kết quả 100% đơn vị được kiểm tra đã thực hiện nghiêm kế hoạch cải cách hành chính của Sở đạt kết quả tốt.

#### **10. Tình hình thực hiện việc xác định Chỉ số CCHC năm 2018 theo Quyết định của UBND tỉnh và Hướng dẫn của Sở Nội vụ**

Sở VHTTDL Nam Định đã bám sát các nhiệm vụ chuyên môn trong việc tham mưu xây dựng và việc thực hiện đầy đủ các văn bản trong việc xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2018 theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh và Hướng dẫn của Sở Nội vụ.

- Báo cáo số 580/BC-SVHTTDL ngày 6/8/2018 Báo cáo Sơ kết công tác CCHC 6 tháng đầu năm triển khai nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2018.

- Công văn số 572/SVHTTDL-VP ngày 02/8/2018 về việc đăng ký phân đấu cải thiện thứ bậc xếp hạng và nâng cao chỉ số cải cách hành chính của Sở VHTTDL giai đoạn 2018-2020.

#### **11. Đánh giá việc thực hiện Kế hoạch số 91/KH-UBND ngày 25/9/2018 về việc ban hành Kế hoạch nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) và Chỉ số cải cách hành chính (Par Index-CCHC) tỉnh Nam Định năm 2018 và các năm tiếp theo.**

Tại buổi họp tổng kết 9 tháng và nhiệm vụ trọng tâm 3 tháng cuối năm 2018 của Sở VHTTDL đã đánh giá những kết quả công tác cải cách hành chính



của sở và đề ra các nhiệm vụ cần phải thực hiện trong năm 2019; trên cơ sở đó đã ban hành Kế hoạch số 893/KH-SVHTTDL ngày 04/12/2018 về việc nâng cao chỉ số cải cách hành chính của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Nam Định giai đoạn 2019-2020.

## **II. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

Nhìn chung năm 2018, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch triển khai các chương trình hành động của ngành, trong đó tập trung đẩy mạnh việc thực hiện cải cách hành chính, coi đây là một nhiệm vụ trọng tâm; thường xuyên chỉ đạo các phòng Quản lý nhà nước, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc tích cực tổ chức triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính, với nhiều giải pháp cụ thể phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị, nhằm nâng cao hiệu quả công tác cải cách hành chính; đảm bảo thống nhất cao trong lãnh đạo, chỉ đạo và thực thi công vụ đảm bảo đúng kế hoạch đề ra;

Công tác quản lý nhà nước về văn hoá, thể thao, du lịch và gia đình được thực hiện hiệu quả. Sở và Phòng Văn hóa - Thông tin các huyện, thành phố đã ban hành và tham mưu cho cấp uỷ, chính quyền nhiều văn bản chỉ đạo sâu sát, kịp thời. Hoạt động thông tin tuyên truyền tiếp tục được đẩy mạnh, các đơn vị trong Ngành đã tập trung triển khai các hình thức tuyên truyền phong phú, đa dạng mang tính thông tin nhanh, cổ động tập trung tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ cải cách hành chính.

Việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ hành chính công cho người dân và doanh nghiệp có nhiều kết quả tích cực. Việc áp dụng các quy trình tiếp nhận và trả kết quả qua bộ phận một cửa, một cửa liên thông được thực hiện đúng theo Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25/3/2015 của Thủ tướng chính phủ.

### **Những khó khăn, hạn chế**

- Hệ thống văn bản hướng dẫn thực hiện của Chính phủ và các bộ, ngành trung ương còn phức tạp, chồng chéo dẫn đến khó khăn trong việc triển khai thực hiện tại cơ sở.

- Trình độ năng lực chuyên môn của đội ngũ cán bộ công chức trong ngành tuy đã từng bước được nâng cao song vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của sự phát triển, đặc biệt là trình độ tin học, ngoại ngữ vẫn còn hạn chế.

## **III. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI CÔNG TÁC CCHC NĂM 2019**

Tiếp tục thực hiện tốt hơn nữa công tác cải cách hành chính, gắn công tác cải cách hành chính với việc tiếp tục thực hiện chương trình hành động của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, của Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh Nam Định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng chống tham nhũng, thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở;

Ngay trong quý IV/2018 Sở VHTTDL đã ban hành các Kế hoạch, cụ thể:



1. Kế hoạch số 892/KH-SVHTTDL ngày 04/12/2018 về việc CCHC của Sở VHTTDL Nam Định năm 2019 (có phụ biểu về nhiệm vụ cụ thể, trách nhiệm thực hiện của từng bộ phận kèm theo).

2. Kế hoạch số 869/KH-SVHTTDL ngày 27/11/2018 Kế hoạch thông tin tuyên truyền CCHC năm 2019 của Sở VHTTDL.

3. Báo cáo số 02/BC-SVHTTDL ngày 02/01/2019 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch năm 2019.

4. Kế hoạch số 775/KH-SVHTTDL ngày 23/10/2018 Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin năm 2019 của Sở VHTTDL.

5. Kế hoạch số 893/KH-SVHTTDL ngày 04/12/2018 Kế hoạch nâng cao chỉ số CCHC của Sở VHTTDL tỉnh Nam Định giai đoạn 2019-2020.

6. Công văn số 914/SVHTTDL-VP về việc kiện toàn đầu mối kiểm soát TTHC của Sở VHTTDL.

7. Kế hoạch số 894/KH-SVHTTDL ngày 04/12/2018 Kế hoạch kiểm soát TTHC năm 2019 của Sở VHTTDL.

8. Kế hoạch số 927/KH-SVHTTDL ngày 11/12/2018 Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC năm 2019 của Sở VHTTDL.

9. Kế hoạch số 904/KH-SVHTTDL ngày 05/12/2018 Kế hoạch kiểm tra rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật năm 2019 của Sở VHTTDL.

10. Tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2799/QĐ-UBND ngày 10/12/2018 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019.

11. Tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 39/QĐ-UBND ngày 05/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố danh mục TTHC ban hành mới, sửa đổi bổ sung, thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở VHTTDL; Quyết định số 278/QĐ-UBND ngày 30/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố danh mục TTHC ban hành mới thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở VHTTDL.


12. Quyết định số 06/QĐ-SVHTTDL ngày 02/01/2019 của Sở VHTTDL về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của Văn phòng Sở VHTTDL.

13. Báo cáo số 106/BC-SVHTTDL ngày 14/2/2019 của Sở VHTTDL về tình hình, kết quả thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 14/02/2016 của Chính phủ và các Nghị định có liên quan.

14. Báo cáo số 107/BC-SVHTTDL ngày 14/2/2019 của Sở VHTTDL về tình hình, kết quả thực hiện cơ chế tự chủ theo số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ Quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước.



Trên đây là Báo cáo tóm tắt tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2018, tình hình triển khai Kế hoạch cải cách hành chính năm 2019 của Sở VHTTDL tỉnh Nam Định.

Trân trọng./. 

**Nơi nhận:**

- Bộ VHTTDL;
- UBND tỉnh; | (để b/c)
- Sở Nội vụ;
- Các đ/c Phó Giám đốc;
- Các phòng QLNN;
- Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở;
- CPVP;
- Cổng TTĐT Sở;
- Lưu: VT.

**GIÁM ĐỐC**



**Khúc Mạnh Kiên**



**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM  
CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2018 CỦA SỞ VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH NAM ĐỊNH**

(Kèm theo Báo cáo số Mg/BC - SVHTTDL ngày 21/02/2019 của Sở VH TTDL)



STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng	Giải trình (Đối với các tiêu chí không có tài liệu kiểm chứng)
<b>I</b>	<b>ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CCHC CỦA SỞ</b>				
<b>1</b>	<b>CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC</b>	<b>13,50</b>	<b>13,50</b>		
<b>1.1</b>	<b>Kế hoạch CCHC năm</b>	<b>4,50</b>	<b>4,50</b>		
1.1.1	Ban hành kế hoạch CCHC năm kịp thời - Ban hành kịp thời (trong Quý IV của năm liền kề của năm kế hoạch): 1,00 - Ban hành trong tháng 01 của năm kế hoạch: 0,50 - Ban hành sau tháng 01 của năm kế hoạch: 0	1,00	1,00	1. Kế hoạch số 892/KH-SVHTTDL ngày 01/12/2017 về việc CCHC của Sở VH TTDL Nam Định năm 2018 (có phụ biểu về nhiệm vụ cụ thể, trách nhiệm thực hiện của từng bộ phận kèm theo).	
1.1.2	Xác định đầy đủ các nhiệm vụ CCHC trên các lĩnh vực theo Bộ Chỉ số CCHC của tỉnh - Xác định đầy đủ nhiệm vụ: 1,00 - Xác định không đầy đủ nhiệm vụ: 0	1,00	1,00	1. Kế hoạch số 892/KH-SVHTTDL ngày 01/12/2017 về việc CCHC của Sở VH TTDL Nam Định năm 2018 (có phụ biểu về nhiệm vụ cụ thể, trách nhiệm thực hiện của từng bộ phận kèm theo). 2. Báo cáo số 891/BC-SVHTTDL ngày 04/12/2018 Báo cáo kết quả công tác cải cách hành chính của Sở VH TTDL về tình hình thực hiện CCHC năm 2018. 3. Quyết định số 134/QĐ-SVHTTDL ngày 09/4/2018 về việc thành lập tổ xét chỉ định thầu đơn vị cho cung cấp giải khát giữa giờ cho hội nghị tập huấn các văn bản CCHC năm 2018	





STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng	Giải trình (Đối với các tiêu chí không có tài liệu kiểm chứng)
				<p>của ngành VHTTDL.</p> <p>4. Quyết định số 135/QĐ-SVHTTDL ngày 09/4/2018 về việc chỉ định đơn vị phục vụ ăn uống cho hội nghị tập huấn các văn bản cải cách hành chính năm 2018 của ngành VHTTDL.</p> <p>5. Quyết định số 136/QĐ-SVHTTDL ngày 10/4/2018 về việc chỉ định đơn vị cung cấp giải khát giữa giờ cho Hội nghị tập huấn các văn bản cải cách hành chính năm 2018 của ngành VHTTDL.</p>	
1.1.3	<p>Phụ biểu về nhiệm vụ và trách nhiệm triển khai thực hiện</p> <p>- <i>Nhiệm vụ cụ thể và trách nhiệm triển khai của các đơn vị trực thuộc: 1,00</i></p> <p>- <i>Không có nhiệm vụ cụ thể và trách nhiệm triển khai của các đơn vị trực thuộc: 0</i></p>	1,00	1,00	<p>1. Kế hoạch số 892/KH-SVHTTDL ngày 01/12/2017 về việc CCHC của Sở VHTTDL Nam Định năm 2018 (có phụ biểu về nhiệm vụ cụ thể, trách nhiệm thực hiện của từng bộ phận kèm theo).</p> <p>2. Quyết định số 143/QĐ-SVHTTDL ngày 12/5/2017 về thành lập ban chỉ đạo CCHC.</p> <p>3. Báo cáo số 891/BC-SVHTTDL ngày 04/12/2018 Báo cáo kết quả công tác cải cách hành chính của Sở VHTTDL về tình hình thực hiện CCHC năm 2018.</p>	
1.1.4	<p>Mức độ thực hiện kế hoạch CCHC</p> <p>- <i>Thực hiện 100% Kế hoạch: 1,50</i></p> <p>- <i>Thực hiện từ 50% - dưới 100% kế hoạch: Công thức tính (Tỷ lệ</i></p>	1,50	1,50	<p>1. Báo cáo số 912/BC-SVHTTDL ngày 06/12/2018 về công tác văn hóa, thể thao và du lịch năm 2018 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm 2019.</p> <p>2. Báo cáo số 891/BC-SVHTTDL ngày</p>	



STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng	Giải trình (Đối với các tiêu chí không có tài liệu kiểm chứng)
	% hoàn thành x 1,50/100%) - Thực hiện từ 20% - dưới 50% kế hoạch: 0			04/12/2018 của Sở VHTTDL về tình hình thực hiện CCHC năm 2018.	
<b>1.2</b>	<b>Thực hiện công tác báo cáo CCHC</b>	<b>2,00</b>	<b>2,00</b>		
1.2.1	Số lượng báo cáo (báo cáo quý, 6 tháng, 9 tháng và năm) - Đủ số lượng báo cáo: 0,75 - Không đủ số lượng báo cáo (mỗi báo cáo thiếu trừ 0,20 điểm) - Không có báo cáo: 0	0,75	0,75	1. Báo cáo số 162/BC-SVHTTDL ngày 02/3/2018 về công tác CCHC Quý I, Phương hướng nhiệm vụ công tác Quý II/2018. 2. Báo cáo số 421/BC-SVHTTDL ngày 04/6/2018 về công tác Cải cách hành chính Quý II phương hướng nhiệm vụ Quý III/2018. 3. Báo cáo số 648/BC-SVHTTDL ngày 4/9/2018 về công tác cải cách hành chính Quý III/2018 triển khai nhiệm vụ IV/2018. 4. Báo cáo số 891/BC-SVHTTDL ngày 04/12/2018 về kết quả công tác cải cách hành chính năm 2018 của Sở VHTTDL.	
1.2.2	Nội dung báo cáo - Tất cả báo cáo có đầy đủ nội dung theo quy định: 0,50 - Không đạt yêu cầu (mỗi báo cáo không đạt trừ điểm 0,15) - Tất cả các báo cáo không đủ nội dung theo quy định: 0	0,50	0,50	Tất cả các báo cáo đều đầy đủ nội dung theo hướng dẫn	
1.2.3	Thời gian báo cáo (trước ngày 10 của tháng cuối quý) - Đúng thời gian quy định: 0,75 - Không đúng thời gian quy định (mỗi báo cáo không đúng thời gian trừ 0,20 điểm). - Tất cả báo cáo không đúng thời gian quy định hoặc không có báo cáo: 0	0,75	0,75	1. Báo cáo số 162/BC-SVHTTDL ngày 02/3/2018 về công tác CCHC Quý I, Phương hướng nhiệm vụ công tác Quý II/ 2018. 2. Báo cáo số 421/BC-SVHTTDL ngày 04/6/2018 về công tác CCHC Quý II phương hướng nhiệm vụ Quý III/2018.	



STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng	Giải trình (Đối với các tiêu chí không có tài liệu kiểm chứng)
				<p>3. Báo cáo số 648/BC-SVHTTDL ngày 4/9/2018 về công tác cải cách hành chính Quý III/2018 triển khai nhiệm vụ IV/2018.</p> <p>4. Báo cáo số 891/BC-SVHTTDL ngày 04/12/2018 về kết quả công tác cải cách hành chính năm 2018 của Sở VHTTDL.</p>	
<b>1.3</b>	<b>Kiểm tra công tác CCHC</b>	<b>3,00</b>	<b>3,00</b>		
1.3.1	<p>Kế hoạch kiểm tra CCHC đối với các đơn vị trực thuộc</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ban hành KH kiểm tra và kiểm tra trên 30% số phòng, đơn vị: 1,00</li> <li>- Ban hành KH kiểm tra và kiểm tra trên 30% số phòng, đơn vị: 0,50</li> <li>- Không ban hành hoặc ban hành kế hoạch kiểm tra và kiểm tra dưới 20% số phòng, đơn vị: 0.</li> </ul>	1,00	1,00	<p>1. Quyết định số 109/QĐ-SVHTTDL ngày 22/3/2018 về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Luật phòng, chống tham nhũng năm 2018 của Sở VHTTDL.</p> <p>2. Kế hoạch số 01/KH-TTr ngày 01/12/2017 của Sở VHTTDL về thanh tra, kiểm tra năm 2018.</p> <p>3. Quyết định số 260/QĐ-SVHTTDL ngày 04/7/2018 về việc thanh tra trách nhiệm việc thực hiện các quy định của pháp luật khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng và thực hiện chức năng, nhiệm vụ, công vụ trong công tác quản lý (có kèm theo kế hoạch).</p>	
1.3.2	<p>Mức độ thực hiện kế hoạch kiểm tra</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện 100% kế hoạch: 1,00</li> <li>- Thực hiện từ 50% - dưới 100% kế hoạch: Công thức tính (Tỷ lệ % hoàn thành x 1,00/100%)</li> <li>- Không có kế hoạch hoặc kiểm tra dưới 50% kế hoạch: 0</li> </ul>	1,00	1,00	<p>1. Báo cáo số 788/BC-SVHTTDL ngày 29/10/2018 của Sở VHTTDL về kết quả công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo năm 2018.</p> <p>2. Kết luận số 659/KL-TTr ngày 05/9/2018 về việc thực hiện quy định pháp luật khiếu nại, tố</p>	



STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng	Giải trình (Đối với các tiêu chí không có tài liệu kiểm chứng)
				cáo, phòng, chống tham nhũng và thực hiện chức năng, nhiệm vụ, công vụ trong công tác quản lý. 3. Báo cáo số 543/BC-SVHTTDL ngày 18/7/2018 tình hình thi hành pháp luật về Kết luận thanh tra và thực hiện Kết luận thanh tra của Sở VHTTDL.	
1.3.3	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra - 100% vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1,00 - Từ 50% đến dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: Công thức tính (tỷ lệ % số vấn đề x 1,00/100%) - Dưới 50% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0	1,00	1,00	1. Báo cáo số 788/BC-SVHTTDL ngày 29/10/2018 của Sở VHTTDL về kết quả công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo năm 2018. 2. Kết luận số 659/KL-TTr ngày 05/9/2018 về việc thực hiện quy định pháp luật khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng và thực hiện chức năng, nhiệm vụ, công vụ trong công tác quản lý. 3. Báo cáo số 543/BC-SVHTTDL ngày 18/7/2018 tình hình thi hành pháp luật về Kết luận thanh tra và thực hiện Kết luận thanh tra của Sở VHTTDL.	
1.4	Công tác tuyên truyền CCHC	2,00	2,00		
1.4.1	Kế hoạch tuyên truyền CCHC - Có Kế hoạch: 1,00 - Không có kế hoạch: 0	1,00	1,00	1. Kế hoạch số 895/KH-SVHTTDL ngày 01/12/2017 về kế hoạch thông tin tuyên truyền cải cách hành chính của Sở VHTTDL năm 2018.	



STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng	Giải trình (Đối với các tiêu chí không có tài liệu kiểm chứng)
1.4.2	Mức độ thực hiện kế hoạch tuyên truyền CCHC - Thực hiện 100% Kế hoạch: 1,00 - Thực hiện từ 50% - dưới 100% kế hoạch: Công thức tính (Tỷ lệ % hoàn thành x 1,00/100%) - Thực hiện dưới 50% thì điểm đánh giá là: 0	1,00	1,00	1. Báo cáo số 812/BC-SVHTTDL ngày 06/11/2018 về kết quả công tác tuyên truyền về cải cách hành chính năm 2018.	
<b>1.5</b>	<b>Sự năng động trong chỉ đạo, điều hành CCHC</b>	<b>2,00</b>	<b>2,00</b>		
1.5.1	Gắn kết quả thực hiện công tác CCHC với công tác thi đua, khen thưởng - Có thực hiện: 1,00 - Không thực: 0	1,00	1,00	1. Quyết định số 91a/QĐ-SVHTTDL ngày 09/02/2018 về việc ban hành quy chế thi đua khen thưởng của Sở VHTTDL. 2. Quyết định số 20/QĐ-SVHTTDL ngày 07/01/2019 về việc “Công nhận danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở ngành VHTTDL Nam Định” năm 2018. 3. Quyết định số 21/QĐ-SVHTTDL ngày 07/01/2019 về việc tặng Giấy khen của Giám đốc Sở VHTTDL tỉnh Nam Định năm 2018;	
1.5.2	Sáng kiến trong triển khai công tác CCHC - Sáng kiến cấp tỉnh: 1,00 - Sáng kiến cấp cơ sở: 0,50	1,00	1,00	1. Quyết định số 429/QĐ-SVHTTDL ngày 24/12/2018 về việc công nhận sáng kiến cấp Sở năm 2018 (có biên bản xét duyệt hội đồng sáng kiến năm 2018 kèm theo); 2. Đã có đơn đề nghị công nhận sáng kiến cấp tỉnh năm 2018 gửi Hội đồng công nhận tại Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Nam Định.	



STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng	Giải trình (Đối với các tiêu chí không có tài liệu kiểm chứng)
2	<b>XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT (QPPL)</b>	<b>3,00</b>	<b>3,00</b>		
2.1	<b>Rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật</b>	<b>2,00</b>	<b>2,00</b>		
2.1.1	Kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL - Ban hành trong quý IV của năm trước liền kề năm kế hoạch thì điểm đánh giá là 0,50; - Ban hành trong năm kế hoạch: 0,25; - Không ban hành: 0	0,50	0,50	Kế hoạch số 903/KH-SVHTTDL ngày 04/12/2017 về việc ban hành Kế hoạch kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật năm 2018 của Sở VHTTDL.	
2.1.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL (Tính theo tỷ lệ % số nhiệm vụ đã hoàn thành so với tổng số nhiệm vụ theo kế hoạch) - Hoàn thành 100% kế hoạch là 0,75; - Hoàn thành từ 50% - dưới 100% kế hoạch: Công thức tính (Tỷ lệ % hoàn thành x 0,75/100%) - Hoàn thành dưới 50% kế hoạch: 0	0,75	0,75	1. Báo cáo số 729/BC-SVHTTDL ngày 05/10/2018 về việc kiểm tra, theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2018. 2. Báo cáo số 986/BC-SVHTTDL ngày 28/12/2018 về việc kết quả thực hiện hệ thống hóa VBQPPL.	
2.1.3	Xử lý kết quả rà soát - 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,75 - Từ 50% - dưới 100% số VD phát hiện được XL hoặc KNXL: Công thức tính (Tỷ lệ % số VD x 0,75/100%). - Dưới 50% số vấn đề phát hiện được XL hoặc kiến nghị xử lý: 0	0,75	0,75	1. Báo cáo số 891/BC-SVHTTDL ngày 04/12/2018 về kết quả công tác cải cách hành chính của Sở VHTTDL về tình hình thực hiện CCHC năm 2018. 2. Báo cáo số 729/BC-SVHTTDL ngày 05/10/2018 về việc kiểm tra, theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2018. 3. Báo cáo số 986/BC-SVHTTDL ngày	



STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng	Giải trình (Đối với các tiêu chí không có tài liệu kiểm chứng)
				28/12/2018 về việc kết quả thực hiện hệ thống hóa VBQPPL của Sở VHTTDL.	
2.2	<b>Triển khai và kiểm tra việc thực hiện các văn bản QPPL</b>	<b>1,00</b>	<b>1,00</b>		
	<p>Tổ chức triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời và đúng quy định các văn bản QPPL do Trung ương, tỉnh ban hành</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 100% số VBQPPL triển khai thực hiện: 1,00;</li> <li>- Từ 50% - dưới 100% số VBQPPL triển khai thực hiện: Công thức tính (Tỷ lệ % số VB x 1,00/100%)</li> <li>- Dưới 50% số VBQPPL triển khai thực hiện: 0</li> </ul>	1,00	1,00	<p>1. Kế hoạch số 115/KH-SVHTTDL ngày 05/02/2018 về việc về việc phổ biến, giáo dục và theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2018 của Sở VHTTDL.</p> <p>2. Báo cáo số 177/BC-SVHTTDL ngày 9/3/2018 của Sở VHTTDL về việc tổng kết đánh giá việc thi hành luật cán bộ, công chức và luật viên chức.</p> <p>3. Báo cáo số 729/BC-SVHTTDL ngày 05/10/2018 về việc kiểm tra, theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2018.</p> <p>4. Báo cáo số 986/BC-SVHTTDL ngày 28/12/2018 về việc kết quả thực hiện hệ thống hóa VBQPPL của Sở VHTTDL.</p> <p>5. Báo cáo số 891/BC-SVHTTDL ngày 04/12/2018 về kết quả công tác cải cách hành chính năm 2018 của Sở VHTTDL.</p>	
3	<b>CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH</b>	<b>9,50</b>	<b>9,50</b>		
3.1	<b>Rà soát, đánh giá thủ tục hành chính (TTHC)</b>	<b>4,00</b>	<b>4,00</b>		



STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng	Giải trình (Đối với các tiêu chí không có tài liệu kiểm chứng)
3.1.1	Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC (Ban hành trong quý IV năm liền kề năm kế hoạch): 1,00 - Ban hành kế hoạch trước ngày 15/01 của năm kế hoạch: 0,50 - Không ban hành: 0.	1,00	1,00	1. Kế hoạch số 902/KH-SVHTTDL ngày 04/12/2017 về hoạt động kiểm soát, rà soát đánh giá TTHC năm 2018 của Sở VH TTDL.	
3.1.2	Mức độ thực hiện kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC - Thực hiện 100% kế hoạch: 1,50; - Thực hiện từ 50% - dưới 100% kế hoạch: Công thức tính (Tỷ lệ % vấn đề x 1,50/100%) - Thực hiện dưới 50% kế hoạch: 0.	1,50	1,50	1. Báo cáo 188/BC-SVHTTDL ngày 16/3/2018 về báo cáo tình hình kết quả thực hiện kiểm soát TTHC Quý I năm 2018. 2. Báo cáo 426/BC-SVHTTDL ngày 05/6/2018 về báo cáo tình hình kết quả thực hiện kiểm soát TTHC Quý II năm 2018. 3. Báo cáo số 646/BC-SVHTTDL ngày 04/9/2018 báo cáo tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát TTHC quý III năm 2018. 4. Báo cáo số 939/BC-SVHTTDL ngày 14/12/2018 về tình hình kết quả thực hiện kiểm soát TTHC năm 2018. 5. Báo cáo số 612/BC-SVHTTDL ngày 20/8/2018 về việc báo cáo kết quả rà soát đơn giản hóa TTHC năm 2018.	
3.1.3	Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát, đánh giá TTHC - 100% số vấn đề phát hiện qua rà soát được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1,50; - Từ dưới 50% - dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: Công thức (Tỷ lệ % vấn đề x 1,50/100%) - Dưới 50% số vấn đề được phát hiện qua rà soát được xử lý	1,50	1,50	1. Báo cáo số 612/BC-SVHTTDL ngày 20/8/2018 về việc báo cáo kết quả rà soát đơn giản hóa TTHC năm 2018. 2. Báo cáo số 939/BC-SVHTTDL ngày 14/12/2018 về tình hình kết quả thực hiện kiểm soát TTHC năm 2018 của Sở VH TTDL.	



STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng	Giải trình (Đối với các tiêu chí không có tài liệu kiểm chứng)
	hoặc kiến nghị xử lý: 0				
3.2	<b>Cập nhật, công khai thủ tục hành chính</b>	<b>3,00</b>	<b>3,00</b>		
3.2.1	Cập nhật, công khai TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cơ quan <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cập nhật, công khai 100% số TTHC: 1,50</li> <li>- Cập nhật công khai từ 50%-dưới 100% số TTHC: Công thức tính (Tỷ lệ % số TTHC x 1,50/100%)</li> <li>- Cập nhật, công khai dưới 50% số TTHC: 0</li> </ul>	1,50	1,50	1. Báo cáo số 891/BC-SVHTTDL ngày 04/12/2017 về công tác CCHC năm 2018 của Sở VH TTDL. 2. Báo cáo số 939/BC-SVHTTDL ngày 14/12/2018 về tình hình kết quả thực hiện kiểm soát TTHC năm 2018 của Sở VH TTDL. => 100% các TTHC được cập nhật và công khai tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở VH TTDL; Cổng Thông tin điện tử của UBND tỉnh và Sở VH TTDL và Cổng DVC trực tuyến.	
3.2.2	Công khai TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết trên Trang thông tin điện tử của cơ quan <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công khai 100% số TTHC: 1,50</li> <li>- Công khai từ 50% - dưới 100% số TTHC: Công thức tính (Tỷ lệ % số TTHC x 1,50/100%)</li> <li>- Công khai dưới 50% số TTHC: 0</li> </ul>	1,50	1,50	1. Báo cáo số 891/BC-SVHTTDL ngày 04/12/2017 về công tác CCHC năm 2018 của Sở VH TTDL. 2. Báo cáo số 774/KH-SVHTTDL ngày 23/10/2018 về Báo cáo kết quả Ứng dụng công nghệ thông tin năm 2018 của Sở VH TTDL.	
3.3	<b>Tiếp nhận, xử lý phản ánh, KN của các nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết</b>	<b>2,50</b>	<b>2,50</b>		



STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng	Giải trình (Đối với các tiêu chí không có tài liệu kiểm chứng)
3.3.1	Công khai đường dây nóng và địa chỉ Email tại bộ phận một cửa của cơ quan - Thực hiện đúng quy định: 0,75 - Không thực hiện đúng quy định: 0	0,75	0,75	1. Công văn số 677/SVHTTDL-VP ngày 12/9/2017 về việc bổ sung địa chỉ tiếp nhận phản ánh, kiến nghị đối với quy định TTHC tại Bộ Phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở VHTTDL. 2. Quyết định số 243/QĐ-SVHTTDL ngày 21/6/2018 về việc ban hành Quy chế cung cấp thông tin cho công dân của Sở VHTTDL.	
3.3.2	Tiếp nhận PAKN đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan - Thực hiện đúng quy định: 0,75 - Không thực hiện đúng quy định: 0.	0,75	0,75	1. Báo cáo số 891/BC-SVHTTDL ngày 04/12/2018 về công tác CCHC năm 2018. 2. Báo cáo 939/BC-SVHTTDL ngày 14/12/2018 về tình hình kết quả thực hiện kiểm soát TTHC năm 2018.	
3.3.3	Xử lý PAKN đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan - 100% PAKN đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1,00 - Từ 50%- dưới 100% số VĐ phát hiện được XL hoặc kiến nghị xử lý: Công thức tính (Tỷ lệ % số VĐ x 1,00/100%) - Dưới 50% PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0	1,00	1,00	1. Báo cáo số 891/BC-SVHTTDL ngày 04/12/2018 về công tác CCHC năm 2018. 2. Báo cáo 939/BC-SVHTTDL ngày 14/12/2018 về tình hình kết quả thực hiện kiểm soát TTHC năm 2018. 3. Báo cáo số 788/BC-SVHTTDL ngày 29/10/2018 của Sở VHTTDL về kết quả công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo năm 2018. 4. Kết luận số 659/KL-TTr ngày 05/9/2018 về việc thực hiện quy định pháp luật khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng và thực hiện chức năng, nhiệm vụ, công vụ trong công tác	



STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng	Giải trình (Đối với các tiêu chí không có tài liệu kiểm chứng)
				quản lý của Sở VH TTDL.	
4	<b>CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NN</b>	5,75	5,75		
4.1	<b>Thực hiện đúng quy định của Chính phủ, của tỉnh về tổ chức bộ máy</b> - Thực hiện đúng theo quy định: 0,50 - Thực hiện không đúng quy định: 0	0,50	0,50	1. Báo cáo số 841/BC-SVH TTDL ngày 16/11/2018 của Sở VH TTDL về việc thực hiện Kết quả thực hiện Nghị quyết 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII. 2. Báo cáo số 891/BC-SVH TTDL ngày 04/12/2018 về công tác CCHC năm 2018.	
4.2	<b>Sắp xếp kiện toàn tổ chức bộ máy theo quy định</b> - Thực hiện đúng quy định: 0,75 - Thực hiện không đúng quy định: 0	0,75	0,75	1. Báo cáo số 841/BC-SVH TTDL ngày 16/11/2018 của Sở VH TTDL về việc thực hiện Kết quả thực hiện Nghị quyết 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII. 2. Báo cáo số 891/BC-SVH TTDL ngày 04/12/2018 về công tác CCHC năm 2018. 3. Quyết định số 2711/QĐ-UBND ngày 30/11/2018 của UBND tỉnh về việc thành lập Trung tâm Văn hóa, Điện ảnh và Triển lãm tỉnh Nam Định.	
4.3	<b>Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ của các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc</b> - Thực hiện đúng quy định: 1,00 - Thực hiện không đúng quy định: 0	1,00	1,00	1. Quyết định số 277/QĐ-SVH TTDL ngày 18/07/2017 về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng thuộc Sở VH TTDL tỉnh Nam Định.	



STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng	Giải trình (Đối với các tiêu chí không có tài liệu kiểm chứng)
				<p>2. Quyết định số 278/QĐ-SVHTTDL ngày 18/07/2017 về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra thuộc Sở VHTTDL tỉnh Nam Định.</p> <p>3. Quyết định số 279/QĐ-SVHTTDL ngày 18/07/2017 về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Kế hoạch - Tài chính thuộc Sở VHTTDL.</p> <p>4. Quyết định số 280/QĐ-SVHTTDL ngày 18/07/2017 về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Tổ chức - Pháp chế thuộc Sở VHTTDL.</p> <p>5. Quyết định số 281/QĐ-SVHTTDL ngày 18/07/2017 về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Di sản Văn hoá thuộc Sở VHTTDL.</p> <p>6. Quyết định số 282/QĐ-SVHTTDL ngày 18/07/2017 về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Quản lý Văn hoá thuộc Sở VHTTDL.</p> <p>7. Quyết định số 283/QĐ-SVHTTDL ngày 18/07/2017 về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức</p>	



STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng	Giải trình (Đối với các tiêu chí không có tài liệu kiểm chứng)
				<p>của Phòng Quản lý Thể dục Thể thao thuộc Sở VH TTDL.</p> <p>8. Quyết định số 284/QĐ-SVH TTDL ngày 18/07/2017 về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng QDu lịch thuộc Sở VH TTDL.</p> <p>9. Quyết định số 285/QĐ-SVH TTDL ngày 18/07/2017 về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Xây dựng Nếp sống văn hoá và Gia đình thuộc Sở VH TTDL tỉnh Nam Định.</p>	
4.4	<b>Tuân thủ quy định về số lượng cấp phòng</b> <i>- Thực hiện đúng quy định: 0,75</i> <i>- Thực hiện không đúng quy định: 0</i>	0,75	0,75	1. Báo cáo số 992/BC-SVH TTDL ngày 28/12/2018 về việc báo cáo một số nội dung của công chức, viên chức của Sở VH TTDL tỉnh Nam Định.	
4.5	<b>Thực hiện quy định về sử dụng biên chế hành chính được tỉnh giao</b> <i>- Không vượt quá chỉ tiêu biên chế được giao: 0,75</i> <i>- Vượt chỉ tiêu biên chế được giao hoặc sử dụng lao động hợp đồng làm nhiệm vụ chuyên môn: 0</i>	0,75	0,75	1. Báo cáo số 992/BC-SVH TTDL ngày 28/12/2018 về việc báo cáo một số nội dung của công chức, viên chức của Sở VH TTDL	
4.6	<b>Thực hiện phân cấp quản lý</b>	2,00	2,00		
4.6.1	<b>Kế hoạch kiểm tra, đánh giá các nhiệm vụ được phân cấp (đơn vị: Phòng và đơn vị trực thuộc)</b> <i>- Ban hành kế hoạch kiểm tra trên 30% số đơn vị: 0,50;</i> <i>- Ban hành kế hoạch kiểm tra từ 20% - 30 % số đơn vị: 0,25</i>	0,50	0,50	<p>1. Kế hoạch số 01/KH-TTr ngày 01/12/2017 của Sở VH TTDL về thanh tra, kiểm tra năm 2018.</p> <p>2. Quyết định số 260/QĐ-SVH TTDL ngày</p>	



STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng	Giải trình (Đối với các tiêu chí không có tài liệu kiểm chứng)
	- Không ban hành kế hoạch kiểm tra hoặc ban hành kế hoạch kiểm tra dưới 20% số đơn vị: 0;			04/7/2018 về việc thanh tra trách nhiệm việc thực hiện các quy định của pháp luật khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng và thực hiện chức năng, nhiệm vụ, công vụ trong công tác quản lý (có kèm theo kế hoạch); Kiểm tra 04 đơn vị Thư viện tỉnh, Nhà hát chèo, Ban Quản lý di tích và Danh thắng, Trung tâm Xúc tiến du lịch).	
4.6.2	Mức độ thực hiện kế hoạch kiểm tra các nhiệm vụ được phân cấp - Thực hiện 100% kế hoạch: 0,75; - Thực hiện từ 50%- dưới 100% kế hoạch: Công thức tính (Tỷ lệ % hoàn thành x 0,75/100%) - Không tổ chức kiểm tra hoặc tổ chức kiểm tra dưới 50% kế hoạch: 0	0,75	0,75	1. Báo cáo số 891/BC-SVHTTDL ngày 04/12/2018 về công tác CCHC năm 2018. 2. Báo cáo số 788/BC-SVHTTDL ngày 29/10/2018 của Sở VHTTDL về kết quả công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo năm 2018. 3. Kết luận số 659/KL-TTr ngày 05/9/2018 về việc thực hiện quy định pháp luật khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng và thực hiện chức năng, nhiệm vụ, công vụ trong công tác quản lý. 4. Báo cáo số 50/BC-TTr ngày 30/11/2018 về việc tổng kết công tác thanh tra; giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng chống tham nhũng năm 2018 và phương hướng nhiệm vụ năm 2019.	
4.6.3	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra - 100% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,75	0,75	0,75	1. Báo cáo số 788/BC-SVHTTDL ngày 29/10/2018 của Sở VHTTDL về kết quả công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo năm	



STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng	Giải trình (Đối với các tiêu chí không có tài liệu kiểm chứng)
	<p>- Từ 50% - dưới 100% số VĐ phát hiện được XL hoặc KNXL: Công thức tính (Tỷ lệ % số VĐ x 0, 75/100%)</p> <p>- Dưới 50% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc qua kiến nghị XL: 0</p>			<p>2018.</p> <p>2. Kết luận số 659/KL-TTr ngày 05/9/2018 về việc thực hiện quy định pháp luật khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng và thực hiện chức năng, nhiệm vụ, công vụ trong công tác quản lý.</p> <p>3. Báo cáo số 543/BC-SVHTTDL ngày 18/7/2018 tình hình thi hành pháp luật về Kết luận thanh tra và thực hiện Kết luận thanh tra của Sở VHTTDL.</p> <p>4. Báo cáo số 50/BC-TTr ngày 30/11/2018 về việc tổng kết công tác thanh tra; giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng chống tham nhũng năm 2018 và phương hướng nhiệm vụ năm 2019.</p>	
5	<b>XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC</b>	10,75	10,75		
5.1	<b>Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm</b>	2,00	2,00		
5.1.1	<p>Tỷ lệ các phòng, ban thực hiện đúng cơ cấu ngạch công chức làm theo vị trí việc làm.</p> <p>- 100% số phòng ban thực hiện: 1,00;</p> <p>- Từ 50% - dưới 100% số phòng ban thực hiện: Công thức tính (Tỷ lệ % số đơn vị X X 1,00/100%)</p> <p>- Dưới 50% số đơn vị thực hiện: 0</p>	1,00	1,00	<p>1. Quyết định số 2687/QĐ-UBND ngày 21/11/2017 về việc phê duyệt Bản mô tả công việc và khung năng lực của VTVL của Sở VHTTDL.</p> <p>2. Báo cáo số 891/BC-SVHTTDL ngày 04/12/2018 về công tác CCHC năm 2018.</p>	
5.1.2	Tỷ lệ các đơn vị SNCL thực hiện đúng cơ cấu viên chức theo VTVL			1. Báo cáo số 891/BC-SVHTTDL ngày 04/12/2018 về công tác CCHC năm 2018.	



STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng	Giải trình (Đối với các tiêu chí không có tài liệu kiểm chứng)
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 100% số đơn vị thực hiện: 1,00</li> <li>- Từ 50% - dưới 100% số đơn vị thực hiện: Công thức tính (Tỷ lệ % số đơn vị x 1,00/100%)</li> <li>- Dưới 50% số đơn vị thực hiện: 0</li> </ul>	1,00	1,00	2. Báo cáo số 809/BC-SVHTTDL ngày 06/11/2018 về việc thực hiện quy định vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2018.	
<b>5.2</b>	<b>Tuyển dụng tiếp nhận công chức, viên chức</b>	<b>1,50</b>	<b>1,50</b>		
5.2.1	Thực hiện quy định về tuyển dụng và tiếp nhận công chức, viên chức <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đúng quy định: 0,75</li> <li>- Không đúng quy định: 0</li> </ul>	0,75	0,75	Năm 2018 Sở VHTTDL chỉ tiếp nhận mới 01 Viên chức về Trung tâm TTTL: 1. Công văn 151/SVHTTDL-TCPC ngày 28/02/2018 của Sở VHTTDL về việc đồng ý tiếp nhận viên chức; 2. Quyết định số 124/QĐ-SVHTTDL ngày 28/3/2018 về việc tiếp nhận viên chức của Giám đốc Sở VHTTDL.	
5.2.2	Bố trí công chức, viên chức đã được tuyển dụng và tiếp nhận công chức, viên chức <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đúng quy định: 0,75</li> <li>- Không đúng quy định: 0</li> </ul>	0,75	0,75	1. Công văn 151/SVHTTDL-TCPC ngày 28/02/2018 của Sở VHTTDL về việc đồng ý tiếp nhận viên chức; 2. Quyết định số 124/QĐ-SVHTTDL ngày 28/3/2018 về việc tiếp nhận viên chức của Giám đốc Sở VHTTDL. 3. Bảng phân công công việc cán bộ, công chức, viên chức Trung tâm Thông tin Triển lãm từ ngày 01/7/2018.	
<b>5.3</b>	<b>Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, Công chức, viên chức</b>	<b>2,00</b>	<b>2,00</b>		
5.3.1	Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ban hành kế hoạch đúng quy định: 0,50</li> </ul>	0,50	0,50	1. Kế hoạch số 338/KH-SVHTTDL ngày 28/4/2017 về việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn (2017-2020).	



STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng	Giải trình (Đối với các tiêu chí không có tài liệu kiểm chứng)
	- Ban hành kế hoạch không đúng quy định hoặc không ban hành kế hoạch: 0			2. Báo cáo số: 1019/SVHTTDL-TCPC của Sở VHTTDL ngày 28/12/2017 về việc báo cáo kết quả đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2017, kế hoạch năm 2018	
5.3.2	Mức độ thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức - Thực hiện 100% kế hoạch: 1,00 - Thực hiện từ 50% - dưới 100% kế hoạch: Công thức tính (Tỷ lệ % hoàn thành x 1,00%) - Thực hiện dưới 50% kế hoạch: 0	1,00	1,00	1. Báo cáo số: 989/SVHTTDL-TCPC của Sở VHTTDL ngày 28/12/2018 về việc báo cáo kết quả đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2018, kế hoạch năm 2019. 2. Báo cáo số 891/BC-SVHTTDL ngày 04/12/2018 về công tác CCHC năm 2018.	
5.3.3	Báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức - Đúng quy định: 0,50 - Không đúng quy định: 0	0,50	0,50	1. Báo cáo số 912/BC-SVHTTDL ngày 6/12/2018 về công tác văn hóa, thể thao và du lịch năm 2018 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm 2019. 2. Báo cáo số 891/BC-SVHTTDL ngày 04/12/2018 về công tác CCHC năm 2018. 3. Báo cáo số: 989/SVHTTDL-TCPC của Sở VHTTDL ngày 28/12/2018 về việc báo cáo kết quả đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2018, kế hoạch năm 2019.	
5.4	<b>Thực hiện quy định về đánh giá, phân loại CC, VC</b>	<b>3,50</b>	<b>3,50</b>		
5.4.1	Thực hiện đánh giá trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị - Thực hiện theo quy định và báo cáo đúng thời gian: 0,50 - Thực hiện theo quy định và báo cáo đúng thời gian: 0,25 - Không thực hiện theo quy định và báo cáo không đúng thời	0,50	0,50	1. Báo cáo số 995/BC-SVHTTDL ngày 28/12/2018 của Sở VHTTDL về việc thực hiện trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác cải cách hành chính của Sở VHTTDL năm	



STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng	Giải trình (Đối với các tiêu chí không có tài liệu kiểm chứng)
	<i>gian: 0</i>			2018.	
5.4.2	Thực hiện đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức				
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện theo quy định và báo cáo đúng thời gian: 1,00</li> <li>- Thực hiện theo quy định và báo cáo không đúng thời gian: 0,50</li> <li>- Không thực hiện theo quy định và báo cáo không đúng thời gian: 0</li> </ul>	1,00	1,00	Báo cáo số 992 /BC-SVHTTDL ngày 28/12/2018 về việc báo cáo một số nội dung của công chức, viên chức Sở VHTTDL năm 2018.	
5.4.3	Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của đội ngũ cán bộ, công chức của cơ quan <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không có cán bộ, công chức làm việc tại cơ quan bị kỷ luật ở mức khiển trách trở lên: 1,00</li> <li>- Có cán bộ, công chức làm việc tại cơ quan bị kỷ luật ở mức khiển trách trở lên: 0</li> </ul>	1,00	1,00	1. Báo cáo số 992 /BC-SVHTTDL ngày 28/12/2018 về việc báo cáo một số nội dung của công chức, viên chức Sở VHTTDL năm 2018. 2. Báo cáo số 177/BC-SVHTTDL ngày 9/3/2018 của Sở VHTTDL về việc tổng kết đánh giá việc thi hành luật cán bộ, công chức và luật viên chức. 3. Báo cáo số 919/SVHTTDL-TCPC ngày 10/12/2018 về việc thống kê một số nội dung công chức, viên chức thuộc Sở VHTTDL năm 2018.	
5.4.4	Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của đội ngũ cán bộ, công chức của đơn vị trực thuộc <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không có cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại đơn vị trực thuộc bị kỷ luật ở mức khiển trách trở lên: 1,00</li> <li>- Có cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại đơn vị trực thuộc bị kỷ luật ở mức khiển trách trở lên: 0</li> </ul>	1,00	1,00	1. Báo cáo số 992 /BC-SVHTTDL ngày 28/12/2018 về việc báo cáo một số nội dung của công chức, viên chức Sở VHTTDL năm 2018. 2. Báo cáo số 177/BC-SVHTTDL ngày 9/3/2018 của Sở VHTTDL về việc tổng kết đánh giá việc thi hành luật cán bộ, công chức và luật viên chức.	



STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng	Giải trình (Đối với các tiêu chí không có tài liệu kiểm chứng)
				3. Báo cáo số 919/SVHTTDL-TCPC ngày 10/12/2018 về việc thống kê một số nội dung công chức, viên chức thuộc Sở VHTTDL năm 2018.	
5.5	<b>Cán bộ, công chức, viên chức đạt chuẩn</b>	<b>0,75</b>	<b>0,75</b>		
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 100% số cán bộ, công chức, viên chức đạt chuẩn: 0,75</li> <li>- Từ 80% - dưới 100% số CBCC, viên chức đạt chuẩn: Công thức tính (Tỷ lệ % số công chức x 0,75/100%)</li> <li>- Dưới 80% số CBCC, viên chức đạt chuẩn: 0</li> </ul>	0,75	0,75	1. Báo cáo số 992 /BC-SVHTTDL ngày 28/12/2018 về việc báo cáo một số nội dung của công chức, viên chức Sở VHTTDL năm 2018. 2. Báo cáo số 177/BC-SVHTTDL ngày 9/3/2018 của Sở VHTTDL về việc tổng kết đánh giá việc thi hành luật cán bộ, công chức và luật viên chức. 3. Báo cáo số 919/SVHTTDL-TCPC ngày 10/12/2018 về việc thống kê một số nội dung công chức, viên chức thuộc Sở VHTTDL năm 2018.	
5.6	<b>Thực hiện tình giản biên chế trong năm</b>	<b>1,00</b>	<b>1,00</b>		
5.6.1	Ban hành kế hoạch tình giản biên chế năm theo đúng lộ trình				
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ban hành kế hoạch tình giản biên chế năm theo đúng lộ trình: 0,50</li> <li>- Không ban hành kế hoạch tình giản biên chế năm: 0</li> </ul>	0,50	0,50	1. Kế hoạch số 09/KH-SVHTTDL ngày 03/01/2018 của Sở VHTTDL về việc tình giản biên chế năm 2018 2. Công văn số 134/SVHTTDL-TCPC ngày 12/2/2018 của Sở VHTTDL về việc đề nghị tình giản biên chế đợt 1 năm	



STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng	Giải trình (Đối với các tiêu chí không có tài liệu kiểm chứng)
				2018; (kèm Đề án số 135/ĐA-SVHTTDL ngày 12/2/2018 Đề án thực hiện chính sách tinh giản biên chế cho công chức, viên chức Sở VHTTDL năm 2018).	
5.6.2	Kết quả thực hiện tinh giản biên chế năm - Báo cáo kết quả thực hiện: 0,50 - Không có báo cáo kết quả thực hiện: 0	0,50	0,50	1. Báo cáo số 994/SVHTTDL -TCPC ngày 28/12/2018 về việc tinh giản biên chế năm 2018 của Sở VHTTDL.	
6	<b>ĐỔI MỚI CƠ CHẾ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI CƠ QUAN HÀNH CHÍNH VÀ ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP</b>	<b>2,00</b>	<b>2,00</b>		
6.1	<b>Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính</b> - Thực hiện đúng quy định: 1,00 - Thực hiện không đúng quy định: 0	<b>1,00</b>	<b>1,00</b>	1. Quyết định số 1373/QĐ-UBND ngày 03/7/2018 của UBND tỉnh Nam Định về việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công thuộc Sở VHTTDL. 2. Báo cáo số 98/BC-SVHTTDL ngày 30/01/2018 của Sở VHTTDL về kết quả thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ Quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước. 3. Báo cáo 99/BC-SVHTTDL ngày 30/01/2018 của Sở VHTTDL về tình hình, kết quả thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 14/02/2016 của Chính	



STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng	Giải trình (Đối với các tiêu chí không có tài liệu kiểm chứng)
				<p>phủ và các Nghị định có liên quan.</p> <p>4. Quyết định số 44/QĐ-SVHTTDL ngày 24/01/2018 về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ Văn phòng Sở VHTTDL.</p> <p>5. Quyết định số 505/QĐ-SVHTTDL ngày 29/12/2017 của Sở VHTTDL về việc ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan Sở VHTTDL.</p> <p>6. Quyết định số 06/QĐ-SVHTTDL ngày 03/1/2018 về việc ban hành quy chế quản lý tài sản công của Sở VHTTDL năm 2018.</p>	
6.2	<p><b>Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các đơn vị sự nghiệp công lập</b></p> <p>- Thực hiện đúng quy định: 1,00</p> <p>- Thực hiện không đúng quy định: 0</p>	1,00	1,00	<p>1. Báo cáo số 98/BC-SVHTTDL ngày 30/01/2018 của Sở VHTTDL về kết quả thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ Quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước.</p> <p>2. Báo cáo 99/BC-SVHTTDL ngày 30/01/2018 của Sở VHTTDL về tình hình, kết quả thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 14/02/2016 của Chính phủ và các Nghị định có liên quan.</p>	
7	<b>HIỆN ĐẠI HÓA HÀNH CHÍNH</b>	13,50	13,50		
7.1	<b>Ứng dụng công nghệ thông tin</b>	2,50	2,50		
7.1.1	Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin			1. Kế hoạch số 907/KH-SVHTTDL ngày	



STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng	Giải trình (Đối với các tiêu chí không có tài liệu kiểm chứng)
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ban hành kế hoạch thi điểm đánh giá là 0,50;</li> <li>- Không ban hành thì điểm đánh giá là 0</li> </ul>	0,50	0,50	06/12/2017 của Sở VH TTDL về kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin năm 2018.	
7.1.2	<p>Mức độ hoàn thành kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin (Tính theo tỷ lệ % số nhiệm vụ đã hoàn thành so với tổng số nhiệm vụ theo kế hoạch), cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện 100% KH: 1,00</li> <li>- Thực hiện từ 80% - dưới 100% KH: Công thức tính (Tỷ lệ % hoàn thành x 1,00 x 100%)</li> <li>- Thực hiện dưới 50% KH: 0</li> </ul>	1,00	1,00	<p>1. Báo cáo số 891/BC-SVH TTDL ngày 04/12/2018 về công tác CCHC năm 2018 của Sở VH TTDL.</p> <p>2. Báo cáo số 774/KH-SVH TTDL ngày 23/10/2018 về Báo cáo kết quả Ứng dụng công nghệ thông tin năm 2018 của Sở VH TTDL.</p>	
7.1.3	<p>Thực hiện kết nối, liên thông phần mềm quản lý văn bản</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đã kết nối liên thông trong nội bộ cơ quan và tất cả các đơn vị trực thuộc: 1,00;</li> <li>- Đã kết nối liên thông trong nội bộ cơ quan và một số đơn vị trực thuộc: 0,75</li> <li>- Chưa kết nối liên thông trong nội bộ cơ quan và chưa tới các đơn vị trực thuộc: 0.</li> </ul>	1,00	1,00	<p>1. Báo cáo số 891/BC-SVH TTDL ngày 04/12/2018 về công tác CCHC năm 2018 của Sở VH TTDL.</p> <p>2. Báo cáo số 774/KH-SVH TTDL ngày 23/10/2018 về Báo cáo kết quả Ứng dụng công nghệ thông tin năm 2018 của Sở VH TTDL.</p> <p>3. Báo cáo số 997/BC-SVH TTDL ngày 28/12/2018 về việc hoàn thành kết nối liên thông phần mềm quản lý văn bản của Sở VH TTDL năm 2018.</p> <p>4. Báo cáo số 996/BC-SVH TTDL ngày 28/12/2018 về việc Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép thành lập cổng Thông tin điện tử tổng hợp trên mạng của Sở VH TTDL năm 2018.</p>	Đã thực hiện kết nối, liên thông phần mềm QLVB trong toàn ngành và các Sở ngành trên địa bàn tỉnh Nam Định
7.2	<b>Trang thông tin điện tử cung cấp dịch vụ công trực tuyến</b>	<b>3,50</b>	<b>3,50</b>		
7.2.1	Số lượng dịch vụ công mức độ 3,4 được đăng tải trên Trang Dịch			1. Công văn số 540/SVH TTDL-VP ngày	



STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng	Giải trình (Đối với các tiêu chí không có tài liệu kiểm chứng)
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ 50- dưới 100% dịch vụ: Công thức tính (Tỷ lệ % số hồ sơ TTHC x 1,50/100%)</li> <li>- Dưới 50% số dịch vụ: 0</li> </ul>			<p>từ 01/7/2018 trên địa bàn tỉnh Nam Định của Sở VH TTDL.</p> <p>2. Báo cáo số 939/BC-SVH TTDL ngày 14/12/2018 về tình hình kết quả thực hiện kiểm soát TTHC năm 2018.</p> <p>3. Báo cáo số 891/BC-SVH TTDL ngày 04/12/2018 Báo cáo kết quả công tác cải cách hành chính của Sở VH TTDL về tình hình thực hiện CCHC năm 2018</p>	
7.2.2	<p>Thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ 40% số hồ sơ TTHC trở lên: 1,50%</li> <li>- Từ 20% - dưới 40% số hồ sơ TTHC: Công thức tính (Tỷ lệ % số hồ sơ TTHC x 1,50/100)</li> <li>- Dưới 20% số hồ sơ TTHC: 0</li> </ul>	1,50	1,50	<p>1. Báo cáo số 939/BC-SVH TTDL ngày 14/12/2018 về tình hình kết quả thực hiện kiểm soát TTHC năm 2018.</p> <p>2. Báo cáo số 891/BC-SVH TTDL ngày 04/12/2018 Báo cáo kết quả công tác cải cách hành chính của Sở VH TTDL về tình hình thực hiện CCHC năm 2018.</p>	
7.2.3	<p>Thực hiện dịch vụ công mức độ 4</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ 30% số hồ sơ TTHC trở lên: 1,00</li> <li>- Từ 10% - dưới 30% số hồ sơ TTHC: Công thức tính (Tỷ lệ % số hồ sơ TTHC x 1,00/100%)</li> </ul>	1,00	1,00	<p>1. Báo cáo số 939/BC-SVH TTDL ngày 14/12/2018 về tình hình kết quả thực hiện kiểm soát TTHC năm 2018.</p> <p>2. Sổ theo dõi đăng ký nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích của Bưu điện thành phố.</p>	
7.3	<p><b>Trang thông tin điện tử của cơ quan</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Duy trì, cập nhật thường xuyên, đầy đủ và hỏi đáp theo quy định: 1,00;</li> <li>- Duy trì, cập nhật không thường xuyên, không đầy đủ và thực hiện hỏi đáp theo quy định: 0,50</li> </ul>	1,00	1,00	<p>1. Báo cáo số 891/BC-SVH TTDL ngày 04/12/2018 về công tác CCHC năm 2018 của Sở VH TTDL.</p> <p>2. Báo cáo số 774/KH-SVH TTDL ngày 23/10/2018 về Báo cáo kết quả Ứng dụng Công</p>	



STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng	Giải trình (Đối với các tiêu chí không có tài liệu kiểm chứng)
	- Không duy trì, không cập nhật thường xuyên và không thực hiện hỏi đáp theo quy định: 0			nghệ thông tin năm 2018 của Sở VH TTDL. 3. Báo cáo số 993/BC-BBT ngày 28/12/2018 báo cáo kết quả hoạt động Công TTĐT Sở VH TTDL năm 2018.	
7.4	<b>Áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2008 (QLCL)</b>	<b>6,50</b>	<b>6,00</b>		
7.4.1	Duy trì thực hiện, cải tiến hệ thống: Công thức tính (Điểm thẩm định hàng năm của tỉnh x 500/100%)	5,00	5,00	1. Báo cáo số 717 ngày 28/9/2018 về tình hình thực hiện xây dựng áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2008 của Sở VH TTDL năm 2018. 2. Biên bản số 08/BB-ISO ngày 23/10/2018 của Sở Khoa học và Công nghệ về việc áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008. 3. Báo cáo số 891/BC-SVH TTDL ngày 04/12/2018 về công tác CCHC năm 2018.	
7.4.2	Thực hiện theo đúng quy định của tỉnh về mô hình quản lý	0,50	0,50	1. Báo cáo số 717 ngày 28/9/2018 về tình hình thực hiện xây dựng áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2008 của Sở VH TTDL năm 2018. 2. Biên bản số 08/BB-ISO ngày 23/10/2018 của Sở Khoa học và Công nghệ về việc áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008.	



STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng	Giải trình (Đối với các tiêu chí không có tài liệu kiểm chứng)
				3. Báo cáo số 891/BC-SVHTTDL ngày 04/12/2018 về công tác CCHC năm 2018.	
7.4.3	Thực hiện chuyển đổi sang phiên bản 2015	0,50	0,50	<p>1. Kế hoạch số 882/KH-SVHTTDL ngày 30/11/2018 về việc triển khai và áp dụng TCVN ISO 9001: 2015 thay thế TCVN 9001:2008 của Sở VHTTDL.</p> <p>2. Quyết định số 428/QĐ-SVHTTDL ngày 24/12/2018 của Sở VHTTDL về việc ban hành, áp dụng hệ thống Quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015 (Kèm theo Danh mục HT Quản lý chất lượng ISO 9001: 2015).</p> <p>3. Quyết định số 445/QĐ-SVHTTDL ngày 28/12/2018 của Sở VHTTDL về việc Công bố hệ thống Quản lý chất lượng phù hợp theo tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015 (Kèm theo Bản công bố; Phụ lục các lĩnh vực hoạt động của Sở VHTTDL; Danh mục HT Quản lý chất lượng ISO 9001: 2015).</p>	
7.4.4	<p>Tỷ lệ các đơn vị trực thuộc thực hiện hệ thống QLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008</p> <p>- 100% số đơn vị: 0,50</p> <p>- Dưới 100% số đơn vị: Công thức tính (Tỷ lệ % số đơn vị x 0,50/100%)</p>	0,50	0		
8	<b>THỰC HIỆN CƠ CHẾ MỘT CỬA, CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG</b>	<b>12,00</b>	<b>12,00</b>		



STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng	Giải trình (Đối với các tiêu chí không có tài liệu kiểm chứng)
8.1	<b>Thực hiện theo quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và kế hoạch của tỉnh</b>	<b>1,00</b>	<b>1,00</b>		
8.1.1	Ban hành và tổ chức thực hiện theo cơ chế một cửa	0,50	0,50	1. Quyết định số 407/QĐ-SVHTTDL ngày 03/12/2018 Quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC tại Sở VHTTDL;	
8.1.2	Ban hành quyết định tổ chức lại, phân công công chức làm việc tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	0,50	0,50	1. Quyết định số 408/QĐ-SVHTTDL ngày 03/12/2018 về việc phân công công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC Sở VHTTDL tỉnh Nam Định.	
8.2	<b>Số lượng TTHC giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông</b>	<b>4,00</b>	<b>4,00</b>		
8.2.1	Số lượng TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa - 100% số TTHC: 2,00 - Từ 30% - dưới 100% số TTHC: Công thức tính (Tỷ lệ % số TTHC x 2,00/100%) - Dưới 30% số lượng thủ tục hành chính: 0	2,00	2,00	1. Báo cáo số 891/BC-SVHTTDL ngày 04/12/2018 về công tác CCHC năm 2018. 2. Báo cáo số 939/BC-SVHTTDL ngày 14/12/2018 về tình hình kết quả thực hiện kiểm soát TTHC năm 2018.	
8.2.2	Số lượng các thủ tục hành chính được giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông. - 100% Số thủ tục hành chính: 2,00 - Từ 30 - dưới 100% số TTHC: Công thức tính (Tỷ lệ % số TTHC x 2,00/100%) - Dưới 30% số lượng TTHC: 0	2,00	2,00	- Tờ trình số 01/TTr-HĐCT ngày 20/4/2018 của UBND tỉnh về việc đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sỹ ưu tú” của Hội đồng cấp tỉnh xét tặng danh hiệu NSND, NSUT tỉnh Nam Định lần thứ 9 - năm 2018; - Tờ trình ngày 17/01/2018 của UBND tỉnh về việc đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực DS VH phi vật thể tỉnh Nam Định lần thứ 2- năm	



STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng	Giải trình (Đối với các tiêu chí không có tài liệu kiểm chứng)
				<p>2018;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ trình số 671/TTr-SVHTTDL ngày 11/9/2018 của Sở VHTTDL về việc công nhận Khu du lịch Quất Lâm, huyện Giao Thủy là Khu du lịch cấp tỉnh.</li> <li>- Tờ trình số 672/TTr-SVHTTDL ngày 11/9/2018 của Sở VHTTDL về việc công nhận điểm du lịch Vườn quốc gia Xuân Thủy, huyện Giao Thủy.</li> </ul> <p><b>Kết quả:</b> Trong năm 2018 Sở VHTTDL đã tiếp nhận 28 hồ sơ (trong đó, có 26 hồ sơ liên thông thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ VHTTDL và 02 hồ sơ thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh Nam Định), cụ thể:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”: 02 hồ sơ.</li> <li>2. Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú”: 05 hồ sơ.</li> <li>3. Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”: 01 hồ sơ.</li> <li>4. Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú”: 18 hồ sơ.</li> <li>5. Thủ tục công nhận khu du lịch, điểm du lịch: 02 hồ sơ.</li> </ol> <p>Tất cả các hồ sơ tiếp nhận được thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông, tại Sở VHTTDL và thẩm định trình hội đồng cấp tỉnh</p>	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng	Giải trình (Đối với các tiêu chí không có tài liệu kiểm chứng)
				và Bộ đúng thời gian quy định.	
8.3	<b>Thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ công ích (BCCI)</b>	2,50	2,50		
8.3.1	Tỷ lệ TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI - Từ 50% số TTHC trở lên có phát sinh hồ sơ: 1,00 - Dưới 50% số TTHC trở lên có phát sinh hồ sơ: Công thức tính (Tỷ lệ % số TTHC x 1,00/100%)	1,00	1,00	1. Báo cáo số 891/BC-SVHTTDL ngày 04/12/2018 về công tác CCHC năm 2018. 2. Báo cáo số 939/BC-SVHTTDL ngày 14/12/2018 về tình hình kết quả thực hiện kiểm soát TTHC năm 2018. 3. Sổ đăng ký theo dõi tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ công ích của Bưu điện thành phố Nam Định.	
8.3.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC đã tiếp nhận qua dịch vụ BCCI - Từ 10 % số hồ sơ TTHC trở lên: 0,75 - Dưới 10% số hồ sơ TTHC: Công thức tính (Tỷ lệ % số TTHC x 0,75/100%)	0,75	0,75	1. Sổ đăng ký theo dõi tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ công ích của Bưu điện thành phố Nam Định.	
8.3.3	Tỷ lệ hồ sơ TTHC đã giải quyết được trả qua dịch vụ BCCI - Từ 10% số hồ sơ TTHC trở lên: 0,75 - Dưới 10% số hồ sơ TTHC: Công thức tính (Tỷ lệ % số hồ sơ X 1,50/100)	0,75	0,75	1. Sổ đăng ký theo dõi tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ công ích của Bưu điện thành phố Nam Định.	
8.4	<b>Thực hiện việc cập nhật hồ sơ giải quyết TTHC trên trang Hành chính của tỉnh</b>	1,50	1,50		
	- Cập nhật đầy đủ: 1,50 - Cập nhật chưa đầy đủ: Công thức tính (Tỷ lệ % số hồ sơ X 1,50/100%: - Không cập nhật: 0	1,50	1,50	1. Báo cáo số 939/BC-SVHTTDL ngày 14/12/2018 về tình hình kết quả thực hiện kiểm soát TTHC năm 2018. 2. Báo cáo số 891/BC-SVHTTDL ngày	



STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng	Giải trình (Đối với các tiêu chí không có tài liệu kiểm chứng)
				04/12/2018 Báo cáo kết quả công tác cải cách hành chính của Sở VH TTDL về tình hình thực hiện CCHC năm 2018.	
8.5	<b>Kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại cơ quan 100% số hồ sơ</b>	<b>1,50</b>	<b>1,50</b>		
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 100% số hồ sơ giải quyết trước và đúng hạn: 1,50</li> <li>- Từ 80% - dưới 100% số hồ sơ giải quyết trước và đúng hạn. Công thức tính (Tỷ lệ % số hồ sơ x 1,50/100%).</li> <li>- Dưới 80% số hồ sơ giải quyết đúng hạn: 0</li> </ul>	1,50	1,50	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. Báo cáo số 939/BC-SVH TTDL ngày 14/12/2018 về tình hình kết quả thực hiện kiểm soát TTHC năm 2018.</li> <li>2. Báo cáo số 891/BC-SVH TTDL ngày 04/12/2018 Báo cáo kết quả công tác cải cách hành chính của Sở VH TTDL về tình hình thực hiện CCHC năm 2018.</li> </ul>	
8.6	<b>Báo cáo kết quả giải quyết TTHC</b>	<b>0,50</b>	<b>0,50</b>		
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo đúng quy định: 0,50</li> <li>- Báo cáo đúng quy định hoặc không có báo cáo: 0</li> </ul>	0,50	0,50	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. Báo cáo số 939/BC-SVH TTDL ngày 14/12/2018 về tình hình kết quả thực hiện kiểm soát TTHC năm 2018.</li> <li>2. Báo cáo số 891/BC-SVH TTDL ngày 04/12/2018 Báo cáo kết quả công tác cải cách hành chính của Sở VH TTDL về tình hình thực hiện CCHC năm 2018.</li> </ul>	
8.7	<b>Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả</b>	<b>1,00</b>	<b>1,00</b>		
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đúng quy định: 1,00</li> <li>- Chưa đúng quy định: Chưa đủ về diện tích; chưa đủ về trang thiết bị: 0,50</li> </ul>	1,00	1,00	1. Quyết định số 407/QĐ-SVH TTDL ngày 03/12/2018 Quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng	Giải trình (Đối với các tiêu chí không có tài liệu kiểm chứng)
	- Không đúng quy định: 0			<p>quyết TTHC tại Sở VH TTDL;</p> <p>2. Quyết định số 408/QĐ-SVH TTDL ngày 03/12/2018 của Sở VH TTDL về việc phân công công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC Sở VH TTDL tỉnh Nam Định.</p> <p>3. Báo cáo số 891/BC-SVH TTDL ngày 04/12/2018 về công tác CCHC năm 2018.</p> <p>=&gt; Từ Năm 2017 -2018 Sở đã tiến hành cải tạo sửa chữa trụ Sở VH TTDL đến nay diện tích, điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả đảm bảo đúng quy định để phục vụ người dân và tổ chức đến thực hiện các TTHC.</p>	
	<b>TỔNG ĐIỂM</b>	<b>70</b>	<b>69,50</b>		